

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026

ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026

**VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG
TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ
THỊ HÀ NỘI**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026	12 - 43

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105535, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo Pháp luật.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Miền Trung	Đường số 4, KCN Hòa Khánh, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Số 48 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	Số 10, ngõ Mai Hương, phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Đống Đa	Số 56, ngõ 212 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Cầu Diễn	Số 60B, đường Nhuệ Giang, phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Nam Sơn	Thôn 2, xã Trung Giã, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - Chi nhánh Xuân Sơn	Tổ 1, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Xử lý Chất thải để phát điện - Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	Thôn 2, xã Trung Giã, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Mỹ Đức - Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội	Tổ dân phố Văn Giang, xã Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại; thu gom rác thải độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại và độc hại;
- Tái chế phế liệu (tái chế phế liệu kim loại và phi kim loại);
- Xử lý ô nhiễm môi trường và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (vận chuyển hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng);
- Vệ sinh chung nhà cửa; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (bán buôn phế thải, phế liệu kim loại, phi kim loại);
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (trồng mới, duy trì, chăm sóc cây cảnh, thảm cỏ, vườn hoa); dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng).

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

- Điện thoại : 024.38232565/024.37473302
- Fax : 024.37478236/024.38236384

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Phong	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cao Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hữu Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Văn Đức - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Văn phòng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Văn Đức

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		426.114.296.383	441.987.736.674
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.093.285.362	32.999.180.964
1. Tiền	111		21.459.385.605	32.377.899.126
2. Các khoản tương đương tiền	112		633.899.757	621.281.838
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		154.408.699.592	153.783.576.558
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	154.408.699.592	153.783.576.558
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241.938.343.984	242.658.544.625
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	107.821.574.221	184.513.938.264
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22.143.094.467	15.279.866.913
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		106.701.270.840	47.527.540.787
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	18.550.601.144	8.615.395.349
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(13.278.196.688)	(13.278.196.688)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.807.731.918	5.846.755.878
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.807.731.918	5.846.755.878
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.866.235.527	6.699.678.649
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	748.128.415	1.243.515.585
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	4.118.107.112	5.456.163.064
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	số	minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		865.270.491.019	857.463.072.367
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.684.699.072	18.622.459.078
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	24.684.699.072	18.622.459.078
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		606.645.852.522	627.408.929.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	602.211.574.143	624.171.248.879
- Nguyên giá	222		1.571.623.222.967	1.548.749.016.049
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(969.411.648.824)	(924.577.767.170)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.434.278.379	3.237.680.826
- Nguyên giá	228		5.903.949.186	4.168.949.186
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.469.670.807)	(931.268.360)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		26.306.410.630	4.511.528.704
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	26.306.410.630	4.511.528.704
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		191.404.678.606	191.366.053.416
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	183.890.698.000	183.890.698.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2b	8.858.930.000	8.858.930.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(3.248.415.101)	(3.248.415.101)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2a	1.903.465.707	1.864.840.517
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		16.228.850.189	15.554.101.464
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	16.228.850.189	15.554.101.464
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.291.384.787.402	1.299.450.809.041

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội
kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		697.640.781.232	703.904.197.595
I. Nợ ngắn hạn	310		245.873.528.293	246.403.240.428
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	17.432.530.517	28.660.860.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	76.233.600.256	746.144.419
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	12.502.544.584	13.650.811.688
5. Phải trả người lao động	315		22.942.483.992	28.271.981.820
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	12.317.244.662	5.196.387.680
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	7.690.116.292
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16a	10.793.549.657	6.361.127.765
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17a	77.632.635.687	146.574.434.666
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	16.018.938.938	9.251.375.547
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		451.767.252.939	457.500.957.167
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.16b	375.044.396.721	391.003.732.749
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.17b	74.244.628.210	64.018.996.410
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		2.478.228.008	2.478.228.008

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	593.744.006.170	595.546.611.446
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		502.957.497.164	502.957.497.164
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		502.957.497.164	502.957.497.164
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	(152.099.840)
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.212.781.158	37.212.781.158
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		53.573.727.848	55.528.432.964
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		38.682.349.037	55.528.432.964
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		14.891.378.811	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.291.384.787.402	1.299.450.809.041

Người lập biểu



Đỗ Thị Khánh Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh



Phê duyệt, ngày 15 tháng 08 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Phạm Văn Đức

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	434.928.495.860	425.696.220.244
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		434.928.495.860	425.696.220.244
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	352.289.261.596	315.400.187.879
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		82.639.234.264	110.296.032.365
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	21.564.024.364	1.262.320.053
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	5.255.791.017	1.737.714.048
Trong đó: chi phí đi vay	24		5.255.791.017	1.737.714.048
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	401.172.468	588.097.644
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	83.654.582.749	69.517.416.415
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.891.712.394	39.715.124.311
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32		333.583	41.794.735
14. Lợi nhuận khác	40		(333.583)	(41.794.735)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.891.378.811	39.673.329.576
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	4.259.877.019
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>14.891.378.811</u>	<u>35.413.452.557</u>

Người lập biểu

Đỗ Thị Khánh Hòa

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Anh



Phê duyệt ngày 15 tháng 08 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Phạm Văn Đức

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.891.378.811	39.673.329.576
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		29.356.186.051	26.573.390.774
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(6.121.530)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(21.564.024.364)	(1.256.198.523)
- Chi phí đi vay	06		5.255.791.017	1.737.714.048
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		27.939.331.515	66.722.114.345
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.570.373.157	134.053.483.688
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.039.023.960	(467.336.540)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		58.132.158.930	(1.210.767.799)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(179.361.555)	(3.283.037.553)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(4.987.350.579)	(1.886.668.292)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.798.943.443)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		71.762.022	21.368.692.065
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.093.520.536)	(25.688.993.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		76.492.416.914	185.808.543.436
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(40.504.061.585)	(21.185.124.487)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(85.535.516.719)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	31.519.658.861
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.821.916.248	2.983.461.189
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.682.145.337)	(72.217.521.156)

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		172.962.361.390	194.959.987.113
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(231.678.528.569)	(263.460.761.402)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.716.167.179)	(68.500.774.289)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.905.895.602)	45.090.247.991
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32.999.180.964	17.813.944.858
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	6.121.530
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	22.093.285.362	62.910.314.379

Người lập biểu



Đỗ Thị Khánh Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuấn Anh



Phê duyệt, ngày 15 tháng 08 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Văn Đức

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Văn phòng Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Văn phòng Công ty") là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Văn phòng Công ty trách nhiệm hữu hạn.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Văn phòng Công ty:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại; thu gom rác thải độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại và độc hại;
- Tái chế phế liệu (tái chế phế liệu kim loại và phi kim loại);
- Xử lý ô nhiễm môi trường và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (vận chuyển hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng);
- Vệ sinh chung nhà cửa; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (bán buôn phế thải, phế liệu kim loại, phi kim loại);
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (trồng mới, duy trì, chăm sóc cây cảnh, thảm cỏ, vườn hoa); dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty không quá 12 tháng.

5. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Văn phòng Công ty có 94 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 87 nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Văn phòng Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Văn phòng Công ty.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Văn phòng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Văn phòng Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con, công ty liên kết thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập dự phòng bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con, công ty liên kết tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại cùng thời điểm. Nếu

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỘ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Văn phòng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Văn phòng Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Văn phòng Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (thường là 36 tháng).

Chi phí mua bảo hiểm trả trước

Chi phí mua bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ..

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-08
Tài sản cố định khác	04-10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hằng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh hoặc được ước tính hợp lý nhưng chưa có đủ hồ sơ, chứng từ để ghi nhận chính thức, bao gồm: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng chưa có hóa đơn; các khoản trích trước chi phí sản xuất kinh doanh như lương nghỉ phép, chi phí bảo hành và các khoản trích trước khác theo quy định.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Văn phòng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Văn phòng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Văn phòng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần cổ tức, lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính..

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Văn phòng Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Văn phòng Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Văn phòng Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Văn phòng Công ty bao gồm:

- Văn phòng Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên kết và các Công ty con khác trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Văn phòng Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Văn phòng Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Văn phòng Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Văn phòng Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Văn phòng Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	667.063.268	620.234.550
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.792.322.337	31.757.664.576
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.103.099.058	10.156.187.220
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	310.197.280	3.641.756.339
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.020.441.313	10.011.025.024
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	3.304.487.941	7.687.748.227
Các ngân hàng, tổ chức khác	54.096.745	260.947.766
Các khoản tương đương tiền	633.899.757	621.281.838
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	633.899.757	621.281.838
Cộng	22.093.285.362	32.999.180.964

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	152.449.717.739	150.776.489.159
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	152.449.717.739	150.776.489.159
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	71.380.130.287	69.706.901.747
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	30.553.479.452	30.553.479.452
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	50.516.108.000	50.516.108.000
Dài hạn	1.864.840.517	1.864.840.517
Tiền gửi có kỳ hạn	1.864.840.517	1.864.840.517
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.864.840.517	1.864.840.517
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.997.607.043	
Cộng	156.312.165.299	152.641.329.676

(*) Một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, tổng giá trị 110.000.000.000 VND được dùng là tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng thương mại. (Xem thuyết minh V.17a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	183.890.698.000	(3.248.415.101)	183.890.698.000	(3.248.415.101)
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Tây Đô	7.967.198.000	-	7.967.198.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 - Urenco 11	17.286.000.000	-	17.286.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Từ Liêm	51.150.000.000	-	51.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sóc Sơn	12.750.000.000	-	12.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì	18.000.000.000	(3.248.415.101)	18.000.000.000	(3.248.415.101)
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Gia Lâm	48.640.000.000	-	48.640.000.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh	6.120.000.000	-	6.120.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9	4.395.500.000	-	4.395.500.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	17.582.000.000	-	17.582.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	8.858.930.000		8.858.930.000	
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sơn Tây	4.858.930.000		4.858.930.000	
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Môi trường 13	4.000.000.000		4.000.000.000	
Cộng	192.749.628.000	(3.248.415.101)	192.749.628.000	(3.248.415.101)

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Văn phòng Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con				
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Tây Đô	79.668	88,52%	79.668	88,52%
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11-Urenco 11	1.728.600	86,43%	1.728.600	86,43%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm	5.115.000	85,25%	5.115.000	85,25%
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sóc Sơn	1.275.000	51,00%	1.275.000	51,00%
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì	1.800.000	60,00%	1.800.000	60,00%
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Gia Lâm	4.864.000	64,00%	4.864.000	64,00%
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh	612.000	51,00%	612.000	51,00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9	439.550	87,91%	439.550	87,91%
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	1.758.200	87,91%	1.758.200	87,91%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sơn Tây	48.589	25,90%	48.589	25,90%
Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị Môi trường 13	400.000	40,00%	400.000	40,00%

Giá trị hợp lý

Văn phòng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các Công ty con, công ty liên kết

Các Công ty con, công ty liên kết đang hoạt động bình thường, không có biến động lớn so với kỳ trước

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.248.415.101	1.755.509.355
Trích lập dự phòng bổ sung		
Số cuối kỳ	3.248.415.101	1.755.509.355

Giao dịch với các Công ty con, công ty liên kết

Xem thuyết minh VII.1

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	26.562.661.285		22.944.275.512	
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	14.921.917.240	-	15.070.379.806	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9	1.505.818.993	-	1.056.800.366	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghệ 11 - Urenco 11	264.720.175	-	319.290.358	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Tây Đô	366.438.942	-	20.305.151	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì	2.836.266.835	-	2.390.224.095	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm	194.336.852	-	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sóc Sơn	133.353.867	-	-	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sơn Tây	76.296.600	-	80.155.440	-
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Môi trường 13	6.263.511.781	-	4.007.120.296	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	81.258.912.936	-	161.569.662.752	-
Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật thành phố Hà Nội	60.148.991.560	-	151.913.952.496	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Phát triển Phường Hoàn Kiếm	4.598.696.253	-	-	-
Các khách hàng khác	16.511.225.123	-	9.655.710.256	-
Cộng	107.821.574.221	-	184.513.938.264	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kỹ thuật SEEN	1.287.418.850	1.287.418.850
Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường An Phú	1.317.116.500	1.317.116.500
Công ty Cổ phần Công nghiệp Đại Dương	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất Tiến Ngọc	3.103.222.221	-
Công ty Cổ phần An Gia Group Việt Nam	-	2.344.111.634
Các nhà cung cấp khác	14.935.336.896	8.831.219.929
Cộng	22.143.094.467	15.279.866.913

Trong đó:

Khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	2.504.003.334
---	---	---------------

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.550.601.144	-	8.615.395.349	-
Phải thu về cổ phần hóa	422.592.300	-	422.592.300	-
Thuế VAT đầu vào chưa kê khai khấu trừ	2.126.981.939	-	2.156.626.627	-
Phải thu tiền cổ tức	9.078.359.892	-	-	-
Tạm ứng	5.062.581.422	-	3.652.794.822	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.860.085.591	-	2.383.381.600	-
Cộng	18.550.601.144	-	8.615.395.349	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu liên quan đến kết quả vận hành nhà máy Nedo chờ quyết toán với UBND thành phố.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Môi trường Đông anh	620.437.500	(620.437.500)	620.437.500	(620.437.500)
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	919.453.290	(919.453.290)	919.453.290	(919.453.290)
Công ty Cổ phần Thương mại Môi trường Hoàng Anh	340.000.000	(340.000.000)	340.000.000	(340.000.000)
Công ty TNHH Xây dựng hạ tầng và Thương mại Hưng Phát	5.841.540.470	(5.841.540.470)	5.841.540.470	(5.841.540.470)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Đại Đường	5.329.880.408	(5.329.880.408)	5.329.880.408	(5.329.880.408)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	226.885.020	(226.885.020)	226.885.020	(226.885.020)
Cộng	13.278.196.688	(13.278.196.688)	13.278.196.688	(13.278.196.688)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	982.286.074	-	837.678.085	-
Công cụ, dụng cụ	1.825.445.844	-	5.009.077.793	-
Cộng	2.807.731.918	-	5.846.755.878	-

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	67.108.136	117.745.368
Chi phí bảo hiểm	278.640.545	582.222.372
Phí đường bộ	229.399.734	496.827.178
Chi phí khác	172.980.000	46.720.667
Cộng	748.128.415	1.243.515.585

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.160.390.998	4.938.462.197
Chi phí sửa chữa	5.256.425.744	6.089.027.499
Chi phí thi công điểm tập kết CCDC	1.910.777.619	2.568.468.646
Chi phí khác	1.901.255.828	1.958.143.122
Cộng	16.228.850.189	15.554.101.464

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	204.156.900.892	785.287.811.677	554.612.065.615	1.647.412.533	3.044.825.332	1.548.749.016.049
Mua trong kỳ	-	1.240.000.000	19.249.672.474	916.723.148	32.407.407	21.438.803.029
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.365.403.889	70.000.000	-	-	-	1.435.403.889
Số cuối kỳ	205.522.304.781	786.597.811.677	573.861.738.089	2.564.135.681	3.077.232.739	1.571.623.222.967
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	111.583.429.038	127.971.311.278	139.569.976.705	109.162.318	1.327.496.207	380.561.375.546
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	153.504.837.187	401.494.975.067	366.652.308.372	477.058.572	2.448.587.972	924.577.767.170
Khấu hao trong kỳ	3.390.012.486	18.187.736.479	22.992.537.493	172.757.896	90.837.300	44.833.881.654
Số cuối kỳ	156.894.849.673	419.682.711.546	389.644.845.865	649.816.468	2.539.425.272	969.411.648.824
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	50.652.063.705	383.792.836.610	187.959.757.243	1.170.353.961	596.237.360	624.171.248.879
Số cuối kỳ	48.627.455.108	366.915.100.131	184.216.892.224	1.914.319.213	537.807.467	602.211.574.143

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 159.771.782.170 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.18b)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định hữu hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà máy Nedo - Hạng mục máy móc thiết bị	602.714.936.039	(248.619.911.107)	354.095.024.932
Các tài sản cố định hữu hình khác	968.908.286.928	(720.791.737.717)	248.116.549.211
Cộng	1.571.623.222.967	(969.411.648.824)	602.211.574.143

10. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Là phần mềm máy tính			
Số dư đầu năm	4.168.949.186	(931.268.360)	3.237.680.826
Tăng trong kỳ	1.735.000.000	-	1.735.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	(538.402.447)	(538.402.447)
Số dư cuối kỳ	5.903.949.186	(1.469.670.807)	4.434.278.379

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 495.000.000 VND.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định vô hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm quản lý Fast Business Online	490.000.000	(245.000.010)	244.999.990
Phần mềm quản lý văn bản	2.816.949.186	(283.209.407)	2.533.739.779
Phần mềm quản lý, điều hành, giám sát chất lượng vệ sinh môi trường	1.735.000.000	(189.357.529)	1.545.642.471
Các tài sản cố định vô hình khác	862.000.000	(752.103.861)	(109.896.139)
Cộng	5.903.949.186	(1.469.670.807)	4.434.278.379

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	93.611.112	33.567.992.629	(23.173.803.029)	10.487.800.712
Xây dựng cơ bản dở dang	4.417.917.592	12.836.096.215	(1.435.403.889)	15.818.609.918
Trụ sở văn phòng 282 Kim Mã	3.745.643.116	6.874.847.310	-	10.620.490.426
Hệ thống xử lý phân bùn bể phốt tại Cầu Diễn	341.008.704	4.356.650.016	-	4.697.658.720
Các công trình khác	331.265.772	1.604.598.889	(1.435.403.889)	500.460.772
Cộng	4.511.528.704	46.404.088.844	(24.609.206.918)	26.306.410.630

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.980.497.742	7.674.950.742
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9	25.620.443	25.620.443
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Gia Lâm	606.137.000	606.137.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm	2.892.515.814	6.586.968.814
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	59.319.000	59.319.000
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì	396.905.485	396.905.485
Phải trả các nhà cung cấp khác	13.452.032.775	20.985.909.809
Công ty Cổ phần Thiết bị Môi trường Cao Thanh Đạt	-	9.810.000.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Chương Dương	3.893.649.296	2.896.400.036
Công ty Cổ phần Gia An Group	1.438.626.471	-
Các nhà cung cấp khác	8.119.757.008	8.279.509.773
Cộng	17.432.530.517	28.660.860.551
<i>Trong đó:</i>		
Khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư	3.587.439.525	191.415.600

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>76.233.600.256</i>	<i>746.144.419</i>
Ban quản lý dự án Đầu tư hạ tầng Phường Cửa Nam	10.324.463.956	-
Ban quản lý dự án Đầu tư hạ tầng Phường Hai Bà Trưng	13.198.071.693	-
Ban quản lý dự án đầu tư hạ tầng Phường Vĩnh Tuy	8.383.746.972	-
Trả trước của các khách hàng khác	44.327.317.635	746.144.419
Cộng	76.233.600.256	746.144.419

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.359.092.275	-	21.478.357.903	(22.901.265.793)	11.936.184.385	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.294.313.608	-	-	-	3.294.313.608
Thuế thu nhập cá nhân	291.719.413	-	1.183.328.378	(908.687.592)	566.360.199	-
Thuế tài nguyên	-	-	90.957.752	(90.957.752)	-	-
Tiền thuế đất	-	2.161.849.456	5.367.124.364	(4.029.068.412)	-	823.793.504
Cộng	13.650.811.688	5.456.163.064	28.119.768.397	(27.929.979.549)	12.502.544.584	4.118.107.112

Thuế giá trị gia tăng

Văn phòng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Nạo vét kênh mương, chăm sóc cây xanh, bán phân bón	Không chịu thuế
Nước và xử lý nước	5%
Dịch vụ duy trì vệ sinh, hàng hóa, dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế TNDN với hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường với thuế suất 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Tổng	Hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường	Hoạt động khác
Doanh thu	434.928.495.860	428.584.106.023	6.344.389.837
Giá vốn	352.289.261.596	348.808.896.518	3.480.365.078
Lãi gộp	82.639.234.264	79.775.209.505	2.864.024.759
Doanh thu hoạt động tài chính	21.564.024.364	-	21.564.024.364
Chi phí tài chính	5.255.791.017	-	5.255.791.017
Chi phí bán hàng	401.172.468	401.172.468	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp (chưa bao gồm quỹ Phát triển KHCN)	83.654.582.749	82.434.296.450	1.220.286.299
Thu nhập khác	-	-	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

	Tổng	Hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường	Hoạt động khác
Chi phí khác	333.583	-	333.583
Lợi nhuận trước thuế	14.891.712.394	(3.060.259.413)	17.951.638.224
Các khoản điều chỉnh tăng	333.583	-	333.583
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Thu nhập được miễn thuế	(17.809.653.527)	-	(17.809.653.527)
Thu nhập tính thuế trước khi trích quỹ KHCN	(2.917.607.550)	(3.060.259.413)	142.318.280
Trích quỹ KHCN			
Thu nhập tính thuế sau khi trích quỹ KHCN	(2.917.607.550)	(3.060.259.413)	142.318.280
Thuế suất thuế TNDN		10%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Văn phòng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí sửa chữa	3.021.109.258	4.248.225.697
Trích trước chi phí thuê xe	8.844.770.784	-
Trích trước chi phí lãi vay	268.440.438	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	182.924.182	948.161.983
Cộng	12.317.244.662	5.196.387.680

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	10.793.549.657	6.361.127.765
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	6.365.217.966	2.182.409.399
Phải trả liên quan đến Dự án Trạm chung chuyển rác	224.500.000	224.500.000
Phải trả các Quận	2.832.865.751	2.832.865.751
Phải trả thù lao cho Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn	1.089.186.985	839.986.985
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	281.778.955	281.365.630
	10.793.549.657	6.361.127.765

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**16b. Phải trả dài hạn khác**

Phải trả Thành phố liên quan đến chi phí dự án Nedo. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	391.003.732.749
Khấu hao tài sản từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	(15.959.336.028)
Số cuối kỳ	<u>375.044.396.721</u>

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	54.084.462.087	126.963.881.066
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (*)	35.741.363.985	87.529.846.891
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB - Chi nhánh Hoàn Kiếm (**)	7.556.178.256	39.434.034.175
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (***)	10.786.919.846	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	23.548.173.600	19.610.553.600
Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	18.108.173.600	14.170.553.600
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam	5.440.000.000	5.440.000.000
Cộng	<u>77.632.635.687</u>	<u>146.574.434.666</u>

- (*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ. Lãi suất tại ngày 30/06/2026 là 6,8%/năm. Thời hạn cho vay dưới 12 tháng với hạn mức vay là 260.000.000.000 VND.
- (**) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB - Chi nhánh Hoàn Kiếm, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất vay 7,3%-7,7%/năm. Thời hạn cho vay 3 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị 50.000.000.000 VND.
- (***) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn cho vay dưới 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	126.963.881.066	19.610.553.600	146.574.434.666
Số tiền vay phát sinh	146.374.261.390	-	146.374.261.390
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	13.742.896.800	13.742.896.800
Số tiền vay đã trả	(219.253.680.369)	(9.805.276.800)	(229.058.957.169)
Số cuối kỳ	<u>54.084.462.087</u>	<u>23.548.173.600</u>	<u>77.632.635.687</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**17b. Vay dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾	70.074.628.210	57.128.996.410
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	4.170.000.000	6.890.000.000
Cộng	74.244.628.210	64.018.996.410

(i) Khoản vay Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, bao gồm các hợp đồng vay có thời hạn 07 năm tính từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên theo từng hợp đồng; lãi suất cố định 2,6%/năm, mục đích để đầu tư phương tiện vận tải để phục vụ các gói thầu duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Hà Nội do Công ty thực hiện.

(ii) Khoản vay Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, bao gồm các hợp đồng vay có thời hạn 07 năm tính từ khi bên vay nhận khoản vay đầu tiên theo từng hợp đồng; lãi suất cố định 2,6%/năm, mục đích để đầu tư phương tiện vận tải để phục vụ các gói thầu duy trì vệ sinh môi trường thành phố.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	23.548.173.600	19.610.553.600
Trên 1 năm đến 5 năm	61.843.129.073	53.718.871.273
Trên 5 năm	12.401.499.137	10.300.125.137
Cộng	97.792.801.810	83.629.550.010

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	64.018.996.410
Số tiền vay phát sinh	26.588.100.000
Số tiền vay đã trả	(2.619.571.400)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(13.742.896.800)
Số cuối kỳ	74.244.628.210

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Văn phòng Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	9.251.375.547	4.202.002.811
Tăng khác	15.000.000	397.300.000
Trích quỹ từ lợi nhuận	16.846.083.927	
Chi quỹ	(10.093.520.536)	(17.773.736.784)
Số cuối kỳ	16.018.938.938	(13.174.433.973)

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	502.957.497.164	37.212.781.158	51.810.156.550	591.980.434.872
Lợi nhuận Chi nhánh miền Trung chuyển về	-	-	35.413.452.557	35.413.452.557
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	2.523.638.932	2.523.638.932
Số dư tại 30/06/2025	502.957.497.164	37.212.781.158	89.747.248.039	629.917.526.361

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư tại 01/01/2026	502.957.497.164	37.212.781.158	55.528.432.964	595.698.711.286
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	14.891.378.811	14.891.378.811
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(16.846.083.927)	(16.846.083.927)
Số dư tại 30/06/2026	502.957.497.164	37.212.781.158	53.573.727.848	593.744.006.170

20. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ**20a. Tài sản nhận giữ hộ**

Theo quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024, Công ty thực hiện nhận bàn giao tài sản Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp để phát điện tại Nam Sơn, Sóc Sơn do tổ chức Nedo tài trợ (Nhà máy Nedo). Toàn bộ tài sản được nhận bàn giao là tài sản công không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp với tổng giá trị tài sản tạm tính là 638.373 triệu đồng. Thời điểm hạch toán tăng tài sản và trích khấu hao từ ngày 01 tháng 4 năm 2018 (thời điểm nhà máy xử lý chất thải công nghiệp để phát điện bắt đầu vận hành).

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, Sở Tài chính Thành phố Hà Nội đã ra quyết định số 15985/QĐ-STC về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hạng mục công trình hoàn thành, dự án Nedo. Theo đó, tổng giá trị tài sản cố định hình thành sau đầu tư là 340.267.482.051 VND trong đó giá trị tài sản giảm chủ yếu là phần thiết bị do phía tổ chức Nedo tài trợ (giảm 269 tỷ). Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa hiện điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản được bàn giao do chưa phân tách được giá trị giảm của từng tài sản tương ứng.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện trích khấu hao tài sản bổ sung của dự án trên từ ngày 01/01/2026 đến thời điểm 30/06/2026 theo nguyên giá tạm tính với tổng số tiền là 15.959.336.028 VND. (xem thuyết minh V.16b)

20b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	12.003	12.003

20c. Tài sản cầm cố, thế chấp

Thuyết minh chi tiết từng loại tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp.

	Giá trị sổ sách		Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Tài sản cố định hữu hình			
Tài sản cố định hữu hình khác	53.634.898.007	53.272.115.408	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình
Tài sản cố định hữu hình khác	20.739.283.141	51.678.395.487	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (*)
Tài sản cố định hữu hình khác	85.397.601.022	51.761.995.666	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB - Chi nhánh Hoàn Kiếm (**)
Cộng	159.771.782.170	156.712.506.561	

- (*) Thời hạn thế chấp tài sản có hiệu lực đến thời điểm các nghĩa vụ bảo đảm đã được thực hiện xong và các bên hoàn tất thủ tục giải chấp, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường và các dịch vụ khác đã cung cấp trong kỳ.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường và các dịch vụ khác đã cung cấp trong kỳ.

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	3.754.370.837	1.256.198.523
Cổ tức lợi nhuận được chia	17.809.653.527	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.121.530
Cộng	21.564.024.364	1.262.320.053

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	5.255.791.017	1.737.714.048
Cộng	5.255.791.017	1.737.714.048

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.000.000	74.074.074
Các chi phí khác	301.172.468	514.023.570
Cộng	401.172.468	588.097.644

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	42.833.316.085	38.872.031.766
Chi phí vật liệu quản lý	894.924.779	825.198.303
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.290.023.421	1.749.535.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	230.234.137	-
Thuế, phí và lệ phí	7.334.605.051	5.643.610.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.334.769.487	4.509.036.525
Các chi phí khác	21.736.709.789	17.918.004.054
Cộng	83.654.582.749	69.517.416.415

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.716.591.317	44.793.775.781
Chi phí nhân công	205.239.551.738	191.092.111.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.356.186.051	26.573.390.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.439.709.285	79.037.831.734
Chi phí khác	71.592.978.422	44.008.592.385
Cộng	436.345.016.813	385.505.701.938

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Văn phòng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng và các khoản phụ cấp	Tổng
Kỳ này				
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Chủ tịch HĐQT	242.599.200	11.340.000	253.939.200
Ông Phạm Văn Đức	Tổng giám đốc	220.574.900	9.702.000	230.276.900
Ông Nguyễn Hải Phong	Thành viên HĐQT	211.811.300	11.340.000	223.151.300
Ông Phạm Cao Thắng	Thành viên HĐQT	206.541.100	11.340.000	217.881.100
Ông Đặng Hữu Bình	Phó TGĐ	208.625.700	9.702.000	218.327.700
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó TGĐ	208.134.700	11.340.000	219.474.700
Ông Vũ Văn Hà	Phó TGĐ	193.472.200	9.702.000	203.174.200
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Kiểm soát viên chuyên trách	179.752.700	11.340.000	191.092.700
Ông Nguyễn Trường Linh	Kiểm soát viên	43.200.000	8.000.000	51.200.000
Bà Lê Thị Tuyết Thanh	Kiểm soát viên	143.660.900	17.567.000	161.227.900
Ông Nguyễn Tuấn Anh	KTT	179.360.900	9.000.000	188.360.900
Cộng		2.037.733.600	120.373.000	2.158.106.600
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Hữu Tiến	Chủ tịch HĐQT	148.800.000	1.000.000	149.800.000
Ông Phạm Văn Đức	Tổng giám đốc	144.000.000	1.000.000	145.000.000
Ông Nguyễn Hải Phong	Thành viên HĐQT	129.600.000	1.000.000	130.600.000
Ông Phạm Cao Thắng	Thành viên HĐQT	129.600.000	1.000.000	130.600.000
Ông Đặng Hữu Bình	Phó TGĐ	129.600.000	1.000.000	130.600.000
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó TGĐ	129.600.000	1.000.000	130.600.000
Ông Vũ Văn Hà	Phó TGĐ	129.600.000	1.000.000	130.600.000
Bà Phạm Hồng Thu	Kiểm soát viên chuyên trách	76.430.769	-	76.430.769
Ông Nguyễn Trường Linh	Kiểm soát viên	-	25.920.000	25.920.000
Bà Lê Thị Tuyết Thanh	Kiểm soát viên	85.568.800	38.987.400	124.556.200
Ông Nguyễn Tuấn Anh	KTT	120.000.000	1.000.000	121.000.000
Cộng		1.222.799.569	72.907.400	1.295.706.969

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Tây Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đông Anh	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghệ 11 - Urenco 11	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Từ Liêm	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sóc Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Gia Lâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sơn Tây	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Môi trường 13	Công ty liên kết

Văn phòng Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa, dịch vụ mà Văn phòng Công ty mua từ:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9	-	194.530.093
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Từ Liêm	-	7.562.330.555
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ mà Văn phòng Công ty cung cấp cho		
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Tây Đô	339.250.398	380.102.991
Công ty Cổ phần Công nghiệp Môi trường 9	415.757.988	539.334.263
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Thanh Trì	413.002.537	129.653.005
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghệ 11 - Urenco 11	245.111.273	581.638.030
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	64.229.451	443.937.821
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sóc Sơn	123.475.803	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Từ Liêm	179.941.530	-
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Sơn Tây	70.645.000	148.436.000
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Môi trường 13	2.552.214.338	2.207.226.352

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.14 và V.17..

VĂN PHÒNG CÔNG TY - CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 282 phố Kim Mã, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**2. Số liệu so sánh****Áp dụng quy định của chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Công ty áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	150.776.489.159	3.007.087.399	153.783.576.558	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	135	11.622.482.748	(3.007.087.399)	8.615.395.349	(i)

- (i) Phân loại lại dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn từ “Phải thu ngắn hạn khác” sang “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn”

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người lập

Đỗ Thị Khánh Hòa

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuấn Anh

Phê duyệt, ngày 15 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Phạm Văn Đức

